

Số: **238/2020/DS-PT**

Ngày: 14/8/2020

V/v: Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Cùng các Thẩm phán:

Ông Lê Văn Phận

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLPT-DS ngày 13/7/2020 về tranh chấp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 148/2020/QĐ-PT ngày 21/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1972 (có mặt) .

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Bé H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị U

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà và vợ chồng bà Huỳnh Thị U, ông Nguyễn Văn Bé H là họ hàng với nhau, bà có tham gia chơi hụi do bà U làm chủ hụi, các dây hụi sau:

- Dây thứ nhất: Hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, khai ngày 12/10/2017 âm lịch, bà tham gia 01 phần, hụi có 26 phần, hụi mãn ngày 12/11/2019 âm lịch, bà đã đóng được 24 tháng, đến tháng thứ 25 bà yêu cầu hốt hụi, bà U đồng ý. Tuy nhiên đến ngày thỏa thuận giao tiền hụi thì bà U không giao tiền cho bà nên bà U còn nợ bà số tiền 23.500.000 đồng, trừ 02 tháng hụi chết của dây hụi 2.000.000 đồng là 21.500.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, khai ngày 15/01/2018 âm lịch, bà tham gia 01 phần, hụi có 22 phần, bà đã đóng được 21 tháng, đến khi hụi mãn thì bà yêu cầu hốt hụi ngày 15/10/2019 âm lịch, tháng thứ 22 bà được “bung tô”, bà U đồng ý. Tuy nhiên đến ngày thỏa thuận giao tiền hụi thì bà U không giao tiền, nên bà U còn nợ bà số tiền 41.000.000 đồng, trừ 02 tháng hụi chết của dây hụi đã hốt là 4.000.000 đồng, như vậy số tiền hụi dây này bà U phải giao cho bà là 37.000.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hụi bà U phải giao tiền hụi cho bà là 58.500.000 đồng.

Ngoài ra, bà có tham gia 01 dây hụi mệnh giá 300.000 đồng do bà U là chủ hụi, dây hụi này bà đã hốt và còn nợ lại 11 tháng hụi chết là 3.300.000 đồng nên bà đồng ý căn trừ số tiền hụi chết bà còn nợ bà U là 3.300.000 đồng vào số tiền bà U phải giao hụi cho bà. Nay bà yêu cầu bà U có trách nhiệm giao cho bà số tiền hụi là 55.200.000 đồng.

Còn đối với 04 dây hụi mà con bà là Kim P chơi với bà U thì bà không rõ, bà chỉ có nhận dùm tiền hốt hụi của 01 dây rồi đưa lại cho con bà, còn trách nhiệm đóng hụi chết thì con bà đóng chứ bà không đồng ý căn trừ vào số tiền hụi mà con bà còn thiếu bà U.

Bà U là chủ hụi, khi giao dịch hụi thì chỉ do một mình bà U giao hụi và thu hụi của bà M. Tuy nhiên trên giấy hụi giao cho bà, bà U có ghi vợ chồng Út B, Út B là ông Bé H chồng của bà U. Tại phiên tòa hôm nay bà chỉ yêu cầu một mình bà U có trách nhiệm trả số tiền 55.200.000 đồng, bà rút lại yêu cầu khởi kiện đối ông Bé H.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị U trình bày:

Bà có làm chủ hụi giống như hai dây hụi mà bà M đã trình bày, tổng số tiền hụi cả hai dây bà sẽ giao cho bà M là 58.500.000 đồng.

Ngoài ra bà M còn chơi của bà một dây hụi 300.000 đồng, khai vào ngày 12/10/2017 âm lịch, có 35 phần, bà M đã hốt hụi và còn nợ lại 11 tháng hụi chết với

số tiền là 3.300.000 đồng. Như vậy khấu trừ số tiềnhui chết bà M phải đóng thì bà phải giao hui cho bà M số tiền 55.200.000 đồng.

Tuy nhiên, con của bà M là Huỳnh Thị Kim P có chơi của tôi 04 dây hui, bà P ở T nên có đến ngày khai hui bà P gọi điện thoại kêu bà giao tiền hui của bà P cho bà M nhận dùm. Bà M đã nhận dùm tiền hui của bà P nhưng đến nay bà P chưa đóng hui chết cho bà nên bà giữ lại số tiền hui bà M được hốt để khấu trừ qua số tiền mà con bà M còn nợ bà, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hui mệnh giá 2.000.000 đồng, khai ngày 15/01/2018 âm lịch, P tham gia 01 phần, hui có 22 phần, đóng được 02 tháng, tháng thứ 3 hốt hui với số tiền 30.550.000 đồng. Sau khi hốt hui xong thì đóng hui chết đến tháng 6/2018 âm lịch, tháng 7/2018 âm lịch thì ngưng không đóng hui chết nữa. Do đó số tiền hui chết còn phải đóng là 32.000.000 đồng (16 tháng).

- Dây thứ hai: Hui mệnh giá 300.000 đồng, khai ngày 12/10/2017 âm lịch, P tham gia 01 phần, hui có 35 phần, đóng được 04 tháng, tháng thứ 05 hốt dây hui với số tiền 7.800.000 đồng. Sau khi hốt hui xong thì đóng hui chết đến tháng 6/2018 âm lịch, tháng 7/2018 âm lịch thì ngưng không đóng hui chết nữa. Do đó số tiền hui chết còn phải đóng là 7.800.000 đồng (26 tháng).

- Dây thứ ba: Hui mệnh giá 500.000 đồng, khai ngày 12/10/2017 âm lịch, P tham gia 01 phần, hui có 28 phần, đóng được 01 tháng, tháng thứ 02 hốt hui với số tiền 9.714.000 đồng. Sau khi hốt hui xong thì đóng hui chết đến tháng 6/2018 âm lịch, từ tháng 7/2018 âm lịch thì ngưng không đóng hui chết nữa. Do đó số tiền hui chết còn phải đóng là 9.500.000 đồng (19 tháng).

- Dây thứ tư: Hui mệnh giá 1.000.000 đồng, khai ngày 29/6/2017 âm lịch, P tham gia 01 phần, hui có 21 phần, đóng được 03 tháng, tháng thứ 4 hốt hui với số tiền 18.893.000 đồng. Sau khi hốt hui xong thì đóng hui chết đến tháng 6/2018 âm lịch, từ tháng 7/2018 âm lịch thì ngưng không đóng hui chết nữa. Do đó số tiền hui chết còn phải đóng là 9.000.000 đồng (09 tháng).

Tổng số tiền hui chết 04 dây mà bà P phải đóng tiếp cho bà U là 58.300.000 đồng. Bà đã đến nhà của bà P để yêu cầu bà P đóng hui chết thì bà P có đóng được khoảng 05 tháng với số tiền 2.500.000 đồng, sau đó không đóng nữa. Bà khẳng định không có khởi kiện hay yêu cầu bà P trả tiền 04 dây của bà P trong vụ án này, nhưng bà có ý kiến là bà M là mẹ của bà P, bà M có nhận tiền hui dùm bà P, nên bà yêu cầu khấu trừ tiền hui chết bà P nợ của bà vào tiền hui bà phải giao cho bà M.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử. Bản án số 15/2020/DS-ST ngày 01/5/2020 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ các Điều 288, 357, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 147, 192, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M đối với ông Nguyễn Văn Bé H về việc liên đới trách nhiệm trả số tiền 55.200.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng cho bà Huỳnh Thị M.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M đối với bị đơn bà Huỳnh Thị U.

Buộc bà Huỳnh Thị U có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền hui còn nợ là 55.200.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/5/2020 bà Huỳnh Thị U kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, cản trừ số tiền hui chết mà bà P con bà M còn nợ bà U vào số tiền hui mà bà U phải trả cho bà M.

Tại phiên Toà phúc thẩm, phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Huỳnh Thị M yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị U có trách nhiệm trả số tiền hui còn nợ là 55.200.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng. Bà U thừa nhận còn thiếu nợ bà M số tiền hui là 55.200.000 đồng, tuy nhiên bà U yêu cầu cản trừ số tiền hui chết mà bà P con bà M còn nợ bà U vào số tiền hui mà bà U phải trả cho bà M.

[2] Xét kháng cáo của bà U:

Bà U cho rằng con của bà M là chị huỳnh Thị Kim P còn nợ bà U 04 dây hụi với số tiền là 58.300.000 đồng nên bà U yêu cầu cản trừ số tiền này vào số tiền hụi mà bà U phải trả cho bà M. Bà M cho rằng 04 dây hụi mà con bà là Kim P chơi với bà U thì bà không rõ, bà chỉ có nhận dùm tiền hốt hụi của 01 dây rồi đưa lại cho con bà, còn trách nhiệm đóng hụi chết thì con bà đóng chứ bà không đồng ý cản trừ vào số tiền hụi mà con bà còn thiếu bà U. Tại cấp sơ thẩm, bà U cũng không yêu cầu chị P trả tiền 04 dây hụi của bà P trong vụ án này.

Theo quy định tại Điều 365 và 370 Bộ luật Dân sự 2015 thì việc chuyển giao nghĩa vụ cho người thứ ba phải được sự đồng ý của các bên. Bà U yêu cầu bà M cản trừ số nợ hụi của chị P nhưng không được bà M đồng ý. Nếu bà U có tranh chấp 04 dây hụi với chị P thì bà U có thể khởi kiện trong một vụ án khác là cũng đảm bảo được quyền lợi của bà U. Do đó, kháng cáo của bà U không có căn cứ nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà Huỳnh Thị U không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị U giữ nguyên quyết định của Bản án Dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phưởng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M đối với bị đơn bà Huỳnh Thị U.

Buộc bà Huỳnh Thị U có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền hụi còn nợ là 55.200.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Huỳnh Thị M phải nộp số tiền án phí là 2.760.000 (hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.635.000 (một triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010103 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị U phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000310 ngày 18/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm là đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng KTNV;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Phạm Kim Cũa

Huỳnh Ngọc Dũng

